

Số: 3568 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Wooree Vina, Công ty TNHH Eunsung Electronics Vina - CN Đồng Nai, Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus, Công ty TNHH Vina Buhmwoo do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại số 351/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021; Tờ trình số 368/TTr-UBND, Tờ trình số 369/TTr-UBND, Tờ trình số 371/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 653/TTr-LĐTBXH ngày 24 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Wooree Vina, Công ty TNHH Eunsung Electronics Vina - CN Đồng Nai, Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus, Công ty TNHH Vina Buhmwoo do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, như sau:

1. Công ty TNHH Wooree Vina gồm 167 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 167.000.000 đồng, trong đó có 99 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (129 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 129.000.000 đồng và 22 người đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 22.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Eunsung Electronics Vina - CN Đồng Nai gồm 50 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên kinh phí hỗ trợ là 50.000.000 đồng, trong đó có 07 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (07 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng chẵn).

3. Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus gồm 29 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 29.000.000 đồng, trong đó có 12 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (14 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 14.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng chẵn).

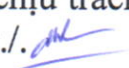
4. Công ty TNHH Vina Buhmwoo gồm 14 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 14.000.000 đồng, trong đó có 04 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

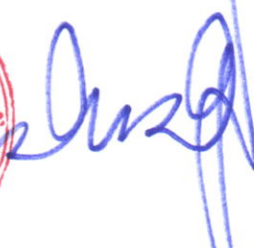
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Sơn Hùng

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH WOOREE VINA, HUYỆN NHƠN TRẠCH**

(Đính kèm theo Quyết định số 3568 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						167.000.000	
1	Lê Thị Hồng Duyên	PKG Production	Không xác định thời hạn	7508213492	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	225363796
2	Lê Minh Tâm	PKG Production	Không xác định thời hạn	4707088034	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272467821
3	Nguyễn Thị Mân	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509068826	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183766402
4	Nguyễn Thị Đào	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509070491	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183737698
5	Bùi Thị Oanh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509086778	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271696688
6	Lê Thị Sinh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7510009186	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272703863
7	Nguyễn Thị Hiền	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509086742	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	173233185
8	Trần Thị Thương	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509106957	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183725265
9	Võ Thị Duyên	PKG Production	Không xác định thời hạn	7410034010	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186786990
10	Phạm Thị Hồng Anh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509050132	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186955692

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số số bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
11	Mạc Thị Hiếu	PKG Production	Không xác định thời hạn	7508213325	21/08/2021	15/09/2021	1.000.000	024184001441
12	Lê Thị Hằng	PKG Production	Không xác định thời hạn	7512167624	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187437034
13	Nguyễn Thị Thanh Thảo	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513196474	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	230858291
14	Bùi Thị Hoài	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513198631	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	174878270
15	Đỗ Thị Kim Anh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513198632	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271643798
16	Dương Mạnh Hùng	PKG Production	Không xác định thời hạn	7508008544	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276062821
17	Trần Thị Kiều Quanh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7514191355	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276060462
18	Đinh Thị In	PKG Production	Không xác định thời hạn	7510013359	21/07/2021	02/09/2021	1.000.000	050758989
19	Hồng Thị Hiền	PKG Production	Không xác định thời hạn	4707115288	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271528704
20	Hà Thị An	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513202632	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	187157151
21	Trương Thị Thanh Trang	PKG Production	Không xác định thời hạn	7514191458	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	077196000095
22	Mạc Thị Lương	PKG Production	Không xác định thời hạn	7508218311	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	121933177
23	Trần Kim Ngọc	PKG Production	Không xác định thời hạn	7514191522	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	362365385
24	Phan Thị Nhanh	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513194992	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	212209464
25	Nguyễn Thị Thúy	PKG Production	Không xác định thời hạn	7514202117	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187633119



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
26	Huỳnh Thị Nhung	PKG Production	Không xác định thời hạn	7515139513	21/07/2021	08/09/2021	1.000.000	221318237
27	Lý Thị Diệu	PKG Production	Không xác định thời hạn	7511211152	29/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272322554
28	Bùi Thị Hoa	PKG Production	Không xác định thời hạn	7709019896	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	173622280
29	Trần Thị Hương	PKG Production	Không xác định thời hạn	7508119804	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276015067
30	Lương Thị Bảy	PKG Production	Không xác định thời hạn	7514034671	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187330367
31	Hồ Thanh Phong	PKG Production	Không xác định thời hạn	7515140589	29/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351887854
32	Nguyễn Thị Lành	PKG Production	Không xác định thời hạn	7414185604	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183670725
33	Đinh Thị Tuyết	PKG Production	Không xác định thời hạn	7516140129	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187767829
34	Nguyễn Như Ý	PKG Production	Không xác định thời hạn	7509034726	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381477076
35	Nguyễn Thị Quý	PKG Production	Không xác định thời hạn	7515140760	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183956102
36	Danh Thị Kiều Luyến	PKG Production	Không xác định thời hạn	4707043198	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385307749
37	Hà Văn Tâm	PKG Production	Không xác định thời hạn	7510013281	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	051175426
38	Vũ Viết Thời	PKG Production	Không xác định thời hạn	7513198916	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276054732
39	Huỳnh Minh Quân	PKG Production	Không xác định thời hạn	7525816645	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272573311
40	Hoàng Thị Mận	PKG Production	Không xác định thời hạn	6624311129	21/07/2021	28/08/2021	1.000.000	173764701

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
41	Nguyễn Minh Trí	PKG Production	Không xác định thời hạn	7516139161	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272485098
42	Trần Thị Tuyết	PKG Production	Không xác định thời hạn	4220139821	02/08/2021	03/09/2021	1.000.000	183971251
43	Cao Thị Mỹ Nhi	PKG Production	Xác định thời hạn	4420166671	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	044301001757
44	Trần Thị Thanh Vân	PKG Production	Xác định thời hạn	7514191464	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272416203
45	Châu Nguyễn Trường Bình	PKG Production	Xác định thời hạn	8621564424	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	331891857
46	Nguyễn Trung Dũng	PKG Production	Xác định thời hạn	7512051084	23/07/2021	15/09/2021	1.000.000	112453076
47	Bùi Thị Sâm	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7508237113	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221167330
48	Trần Thị Thảo	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7509107711	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183651738
49	Nguyễn Thị Thúy	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7508174307	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381436920
50	Nguyễn Thị Phương	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7508088332	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183752170
51	Nguyễn Thị Thanh Nga	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7512158152	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187075494
52	Nguyễn Thị Thúy An	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7512167613	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	045190000264
53	Phạm Thị Trúc Mai	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7512167617	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272288769
54	Trần Thị Nhiệm	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7513198620	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271877246
55	Nguyễn Kiều Diễm My	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7513200330	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381792052



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
56	Phạm Thị Nga	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7513196532	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184058723
57	Đỗ Thị Hòa	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7514191473	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241221333
58	Lê Thị Thủy	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7510011001	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	162761149
59	Dương Thị Thanh Nga	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7909254337	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	111789589
60	Nguyễn Thị Ngọc Mai	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7514019207	01/09/2021	15/09/2021	1.000.000	272453107
61	Nguyễn Thị Oanh	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7510014343	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272652508
62	Nguyễn Thị Liễu	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7513202709	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241462321
63	Hoàng Thị Tú	PKG-QA	Không xác định thời hạn	7516132369	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	382010758
64	Lò Thanh Lam	PKG-QA	Không xác định thời hạn	1420595989	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	051003987
65	Tô Thị Mỹ Tiên	PKG-QA	Không xác định thời hạn	8925589791	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352231615
66	Nguyễn Thị Thanh Trúc	PKG-QA	Xác định thời hạn	4016863866	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	188003683
67	Trần Thị Ngọc Huyền	PKG-QA	Xác định thời hạn	8925313020	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352719258
68	Trương Thị Thu Thủy	PKG-QA	Xác định thời hạn	4420172350	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	044302001900
69	Nguyễn Thị Huỳnh Như	PKG-QA	Xác định thời hạn	8922759336	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352598242
70	Trần Thị Hương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	4706111736	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271382893

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
71	Trần Thị Minh Đức	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509064766	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	215033889
72	Nguyễn Văn Khả	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509064775	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	172604843
73	Trần Thị Ánh Nguyệt	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509068864	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271820341
74	Võ Thị Thùy Trang	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509070518	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351855894
75	Dương Thị An	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509107704	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272847811
76	Nguyễn Văn Nhật	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509123875	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271908726
77	Sa Thị Trinh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7510011030	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	050709869
78	Lương Thị Minh Thơi	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7510013295	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	054189006700
79	Nguyễn Thành Linh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509062129	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271877281
80	Nguyễn Thị Huyền	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7510188096	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183651627
81	Nguyễn Thị Khánh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7509088085	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183842996
82	Nguyễn Thị Mai Sương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512002524	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183737683
83	Lê Thị Phụng	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	4706100498	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183401593
84	Bùi Thị Thắm	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7508016918	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241860357
85	Trần Thị Hoài	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512164426	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184093871

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
86	Trần Thị Bắc	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512167594	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187093691
87	Hoàng Thị Huyền	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512161879	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	183388597
88	Nguyễn Thị Bé	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512167637	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272181301
89	Đào Thị Kim Xuyên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512167658	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	342102159
90	Nguyễn Thị Duyên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7510154059	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272924796
91	Bùi Thị Yến	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512208895	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	113607923
92	Lương Thị Lý	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512209166	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	040191003189
93	Nguyễn Thị Mỹ Linh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7513198625	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352163994
94	Lê Thị Mỹ Hạnh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514189112	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272789325
95	Nguyễn Thị Pha Lê	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514191361	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241621378
96	Ngô Thị Huệ	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7513202383	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	036190009906
97	Cao Thị Yến Trang	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7511203013	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381848659
98	Phạm Thị Thành	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514191489	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	044189004048
99	Phan Thị Hồng	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514191495	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184093869
100	Trần Thị Giàu	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514191503	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000	362381564

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
101	Đỗ Thị Trang	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7512208822	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272506907
102	Nguyễn Thị Tình	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514193025	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	174104433
103	Nguyễn Thị Hoài	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7510163830	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186802984
104	Nguyễn Thị Trinh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514200536	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187398394
105	Huỳnh Thị Mộng Giao	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515137684	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	092194002235
106	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515140559	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221382922
107	Nguyễn Thị Thu Thảo	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515140567	21/07/2021	02/09/2021	1.000.000	241540518
108	Lê Thị Thu	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7913108321	25/08/2021	15/09/2021	1.000.000	173396774
109	Hồ Thị Nhung	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515140600	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371485132
110	Hoàng Thị Duyên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7511181606	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187736630
111	Nguyễn Thị Giang	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515140544	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	197341519
112	Võ Thị Mỹ Hương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514037579	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	212667488
113	Mai Thị Thủy Đào	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514197056	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341397445
114	Nguyễn Thị Hương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514178226	21/07/2021	13/09/2021	1.000.000	173843701
115	Nguyễn Thị Thủy Tiên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7414211124	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341836383

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
116	Trần Thị Phương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7515142273	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	197283255
117	Trần Thị Liên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514049060	25/08/2021	15/09/2021	1.000.000	187312621
118	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7913143601	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	291055807
119	Đinh Thị Thanh Xuân	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7516153940	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241561382
120	Đào Thị Kim Thoa	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7516141182	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352545639
121	Thái Thị Phương	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7513010729	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187257072
122	Võ Như Quận	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7516154579	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	264444365
123	Ngô Thị Thảo	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7511211377	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221322054
124	Võ Thị Nga	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7516043346	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184210793
125	Nguyễn Thị Linh	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	3824594702	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	038185003288
126	Lê Thị Diễm My	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	9423222764	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366253622
127	Trần Thị Kim Tho	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	8622114524	23/08/2021	15/09/2021	1.000.000	331554330
128	Siu H' Đô	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	6423020995	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	231233134
129	Lê Thị Linh Tâm	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	6623397055	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241820805
130	Phạm Thị Ngọc	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	3824736419	18/08/2021	15/09/2021	1.000.000	038195005051

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
131	Phạm Thị Liên	SMT-ASS	Không xác định thời hạn	7514198248	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187255400
132	Phạm Quốc Hùng	SMT-ASS	Xác định thời hạn	7525890504	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272802307
133	Trần Thị Quỳnh Như	SMT-ASS	Xác định thời hạn	4520400511	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	197422679
134	Hoàng Thị Hậu	SMT-ASS	Xác định thời hạn	7910192148	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186448132
135	Lê Thị Duyên Oánh	SMT-ASS	Xác định thời hạn	3824403611	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	038302018165
136	Lý Thị Chung	SMT-ASS	Xác định thời hạn	6624556400	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241818152
137	Nguyễn Thị Hà	SMT-ASS	Xác định thời hạn	4217476460	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000	184384233
138	Trần Thị Cẩm Ly	SMT-ASS	Xác định thời hạn	5420293538	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221512004
139	Nguyễn Thị Minh Tiến	SMT-ASS	Xác định thời hạn	5421039857	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221512025
140	Nguyễn Thị Ngọc	SMT-ASS	Xác định thời hạn	8923844008	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352374517
141	Nguyễn Thị Minh	SMT-ASS	Xác định thời hạn	4017007007	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187777834
142	Trần Thị Suong	SMT-ASS	Xác định thời hạn	4023646841	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187580520
143	Trần Thị Hạnh	SMT-ASS	Xác định thời hạn	7911219671	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183894993
144	Lê Thị Quý	SMT-QA	Không xác định thời hạn	4704033453	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272468469
145	Võ Bình Đăng Châu	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7508063778	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271488476

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
146	Nguyễn Thị Bích Lan	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7508237119	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271653795
147	Nguyễn Thị Thùy Trâm	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7509005805	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271643998
148	Thái Thị Mỹ Dung	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7509123941	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366408255
149	Nguyễn Thị Hòa	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7509050355	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271648883
150	Thiều Thị Mai Hành	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7510192648	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183819178
151	Võ Thị Hồng Nhung	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7513188686	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	215102125
152	Nguyễn Thị Trúc Linh	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7512162131	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272078053
153	Vũ Thị Thu Bích	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7508190776	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271747870
154	Trần Thị Dung	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7514191466	21/07/2021	05/09/2021	1.000.000	184151395
155	Mai Thị Diễm My	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7514193034	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	201659443
156	Lê Thị Diệu	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7515140530	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	191762194
157	Nguyễn Thị Mai Khanh	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7413024024	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271703052
158	Nguyễn Thị Phương	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7513010903	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	173754040
159	Hoàng Thị Ngọc Phương	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7515142318	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241370376
160	Lê Thị Huân	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7712015827	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276055901

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
161	Đinh Thị Thương	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7914136844	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	231209409
162	Hoàng Thị Thu Thủy	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7516155773	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	194620001
163	Nguyễn Thị Sen	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7515139015	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	194610010
164	Nguyễn Thị Trà	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7513191703	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	040193006870
165	Phan Thị Loan	SMT-QA	Không xác định thời hạn	7413152846	21/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183562917
166	Nguyễn Thị Ngọc Mai	SMT-QA	Không xác định thời hạn	6622715673	01/09/2021	15/09/2021	1.000.000	241628214
167	Nguyễn Kim Hoàng	SMT-QA	Không xác định thời hạn	4706038607	15/07/2021	15/09/2021	1.000.000	079084014224
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi							
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Mận	3	Hoàng Nguyễn Bảo Ngọc	31/05/2016	Hoàng Văn Quý	168176349	1.000.000	183766402
			Hoàng Nguyễn Minh Quân	12/02/2020			1.000.000	
2	Nguyễn Thị Đào	4	Phạm Quỳnh Nhi	13/07/2018	Phạm Văn Thịnh	194344600	1.000.000	183737698
			Phạm Khánh Ly	24/09/2019			1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
3	Trần Thị Thương	8	Nguyễn Bảo Tâm Oanh	26/02/2016	Nguyễn Văn Hiếu	183828139	1.000.000	183725265
			Nguyễn Nhật Minh	29/08/2020			1.000.000	
4	Võ Thị Duyên	9	Nguyễn Võ Gia Quỳnh	01/02/2017	Nguyễn Bảo Ngọc	381547560	1.000.000	186786990
			Nguyễn Võ Như Quỳnh	23/10/2019			1.000.000	
5	Phạm Thị Hồng Anh	10	Trần Bảo Hân	10/11/2019	Trần Đình Hào	186722557	1.000.000	186955692
6	Mạc Thị Hiếu	11	Phạm Đức Anh	23/02/2021	Phạm Văn Chế	164198731	1.000.000	24184001441
7	Lê Thị Hằng	12	Nguyễn Lê Gia Hân	31/01/2020	Nguyễn Phi Thanh	186760078	1.000.000	187437034
			Nguyễn Phi Gia Bảo	19/12/2016			1.000.000	
8	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13	Nguyễn Đình Khang	19/05/2019	Nguyễn Văn Tuấn	261148567	1.000.000	230858291
9	Bùi Thị Hoài	14	Trần Nguyệt Ánh	20/06/2017	Trần Thắng Cảnh	135368489	1.000.000	174878270
10	Đỗ Thị Kim Anh	15	Vũ Minh Quân	24/06/2018	Vũ Hoàng Phong	271653065	1.000.000	271643798
11	Dương Mạnh Hùng	16	Dương Thị Minh Châu	01/03/2021	Lê Thị Như Ngọc	276061181	1.000.000	276062821
12	Trần Thị Kiều Quanh	17	Phạm Trần Uyên Nhi	29/09/2016	Phạm Tấn Tài	271976770	1.000.000	276060462
13	Đinh Thị In	18	Hà Minh Quân	20/09/2019	Hà Văn Tâm	50774533	1.000.000	50758989

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
14	Hà Thị An	20	Cao Thị Hà Linh Cao Viêt Quang	13/09/2019 31/12/2020	Cao Viêt Hiền	187035471	1.000.000 1.000.000	187157151
15	Mạc Thị Lương	22	Nguyễn Gia Hân Nguyễn Quỳnh Anh	16/04/2017 13/04/2020	Nguyễn Thành Tự	037086004747	1.000.000 1.000.000	121933177
16	Trần Kim Ngọc	23	Trần Ngọc Thanh Trúc	14/10/2018	Trần Ngọc Thanh	241501851	1.000.000	362365385
17	Nguyễn Thị Thúy	25	Nguyễn Thị Anh Thư	12/11/2019	Nguyễn Văn Thịnh	186523347	1.000.000	187633119
18	Lý Thị Diệu	27	Hồ Thế Hoàng Hồ Gia Hưng	28/03/2017 20/05/2020	Hồ Thanh Phong	351887854	1.000.000 1.000.000	272322554
19	Bùi Thị Hoa	28	Đặng Thế Anh Quân Đặng Khánh Ly	31/08/2016 30/04/2018	Đặng Thế Anh	272209910	1.000.000 1.000.000	173622280
20	Nguyễn Thị Lành	32	Trần Bảo Khang	16/07/2019	Trần Văn Tá	183514649	1.000.000	183670725
21	Đinh Thị Tuyết	33	Nguyễn Duy Khánh	17/11/2020	Nguyễn Trung Sơn	187056818	1.000.000	187767829
22	Nguyễn Như Ý	34	Nguyễn Như Tâm	10/02/2020	Nguyễn Trí Nhân	311716372	1.000.000	381477076
23	Danh Thị Kiều Luyến	36	Võ Danh Duy Đạt	09/11/2019	Võ Văn Thắng	362256418	1.000.000	385307749

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
24	Vũ Việt Thời	38	Vũ Nhật Huy Vũ Trần Thủy Tiên	20/11/2018 19/10/2020	Trần Thị Liên	272395012	1.000.000 1.000.000	276054732
25	Hoàng Thị Mận	40	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	23/08/2016	Phạm Hòa	241319789	1.000.000	173764701
26	Bùi Thị Sâm	47	Cao Lê Thảo Nguyên	17/10/2020	Cao Xuân Thao	197133836	1.000.000	221167330
27	Nguyễn Thị Phương	50	Nguyễn Mậu Khánh Duy Nguyễn Thị Kim Chi Nguyễn Khánh An	09/12/2018 12/09/2015 23/11/2020	Nguyễn Mậu Thúc Nguyễn Mậu Thúc Nguyễn Văn Thắng	183749689	1.000.000 1.000.000 1.000.000	183752170
28	Nguyễn Thị Thúy An	52	Nguyễn Thái Bảo	25/02/2020	Nguyễn Văn Thắng	162969642	1.000.000	45190000264
29	Trần Thị Nhiệm	54	Trần Huỳnh Quang	25/09/2016	Trần Văn Tuấn	60873585	1.000.000	271877246
30	Nguyễn Kiều Diễm My	55	Vũ Minh Quân Vũ Minh Khang	09/12/2016 13/07/2019	Vũ Minh Đoàn	034094009985	1.000.000 1.000.000	381792052
31	Phạm Thị Nga	56	Trần Phạm Quỳnh Anh	15/11/2018	Trần Phúc Hùng	183990466	1.000.000	184058723
32	Dương Thị Thanh Nga	59	Chung Ngọc Khánh Chung Tiến Phát Chung Tấn Lộc	02/09/2015 04/05/2018 13/01/2021	Chung Tiến Sĩ	271658244	1.000.000 1.000.000 1.000.000	111789589

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
33	Nguyễn Thị Oanh	61	Nguyễn Hoài Phương	06/02/2017	Nguyễn Văn Hoàng Anh	271856714	1.000.000	272652508
34	Nguyễn Thị Liễu	62	Trần Nguyễn Anh Quân	21/10/2016	Trần Văn Duy	60958866	1.000.000	241462321
35	Hoàng Thị Tú	63	Lê Hoàng Anh Duy	09/11/2018	Lê Hoàng Vẹn	381655777	1.000.000	382010758
			Lê Yến Nhi	29/09/2020			1.000.000	
36	Trần Thị Minh Đức	71	Nguyễn Trần Phúc An	11/12/2019	Nguyễn Thanh Sử	215065588	1.000.000	215033889
			Nguyễn Trần Hoài An	11/12/2019			1.000.000	
37	Võ Thị Thùy Trang	74	Trần Võ Nguyễn Kha	05/10/2015	Trần Quốc Nhiệm	364167596	1.000.000	351855894
38	Dương Thị An	75	Nguyễn Thị Gia Hân	23/02/2016	Nguyễn Sỹ Thắng	272567821	1.000.000	272847811
39	Nguyễn Văn Nhật	76	Nguyễn Thanh Trúc	16/12/2018	Nguyễn Thị Loan	272673277	1.000.000	271908726
40	Sa Thị Trinh	77	Hoàng Bảo Châu	15/08/2020	Hoàng Văn Linh	50802266	1.000.000	50709869
41	Lương Thị Minh Thơi	78	Lê Lương Gia Hân	09/04/2017	Lê Vũ Kim	221138719	1.000.000	54189006700
42	Nguyễn Thành Linh	79	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	24/07/2018	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	077188003848	1.000.000	271877281
43	Nguyễn Thị Huyền	80	Trương Quân Bảo	02/04/2020	Trương Trung Tuấn	261126258	1.000.000	183651627
44	Nguyễn Thị Khánh	81	Nguyễn Quang Phước	22/10/2016	Nguyễn Hữu Quỳnh	183649830	1.000.000	183842996
45	Nguyễn Thị Mai Sương	82	Nguyễn Anh Minh	02/12/2018	Nguyễn Văn Kỳ	186718506	1.000.000	183737683

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
46	Lê Thị Phương	83	Lê Bảo Nam	20/07/2018	Lê Hữu Toàn	183501548	1.000.000	183401593
			Lê Thị Bảo Trâm	20/11/2020			1.000.000	
47	Bùi Thị Thắm	84	Nguyễn Cao Bảo Minh	07/07/2020	Nguyễn Cao Đại	276020193	1.000.000	241860357
			Nguyễn Bùi Thanh Trà	12/10/2015			1.000.000	
			Nguyễn Hoàng Thùy Linh	30/04/2017			1.000.000	
48	Hoàng Thị Huyền	87	Nguyễn Anh Tuấn	22/01/2021	Nguyễn Văn Đức	042086001721	1.000.000	183388597
			Hà Minh Quân	14/02/2018			1.000.000	
49	Nguyễn Thị Bé	88	Lê Thành Đạt	19/08/2020	Lê Văn Dũng	183260217	1.000.000	272924796
50	Nguyễn Thị Duyên	90	Võ Bình Gia Hưng	11/11/2019	Võ Văn Đạt	194069829	1.000.000	40191003189
51	Lương Thị Lý	92	Lê Tuấn Anh	27/12/2017	Lê Hoàng Giang	352170936	1.000.000	352163994
52	Nguyễn Thị Mỹ Linh	93	Trần Nhật Tinh	24/09/2017	Trần Thanh Tuấn	270255635	1.000.000	272789325
53	Lê Thị Mỹ Hạnh	94	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	31/05/2017	Nguyễn Ngọc Mãi	191750879	1.000.000	241621378
			Nguyễn Ngọc Gia Huy	22/09/2020			1.000.000	
54	Nguyễn Thị Pha Lê	95	Nguyễn Cao Hồng Hạnh	26/08/2017	Nguyễn Thế Hậu	381321872	1.000.000	381848659
55	Cao Thị Yến Trang	97						

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
56	Phạm Thị Thành	98	Phạm Ngọc Anh Thư	27/02/2016	Phạm Ngọc Tân	044081000214	1.000.000	44189004048
			Phạm Ngọc An Như	26/11/2017			1.000.000	
			Phạm Việt Nhật	13/04/2020			1.000.000	
57	Phan Thị Hồng	99	Nguyễn Yến Nhi	23/04/2018	Nguyễn Xuân Linh	183601883	1.000.000	184093869
			Nguyễn Xuân Quang Đăng	28/01/2020			1.000.000	
58	Đỗ Thị Trang	101	Nguyễn Ngọc Phúc	17/05/2020	Nguyễn Công Thành	272817569	1000000	272506907
59	Nguyễn Thị Tình	102	Hồ Tuệ Tâm	07/11/2019	Hồ Công Ước	173324809		174104433
60	Nguyễn Thị Hoài	103	Võ Thúy Hạnh	11/08/2016	Võ Đình Hoa	186809375	1.000.000	186802984
			Võ Thúy An	01/07/2020			1.000.000	
61	Nguyễn Thị Trinh	104	Dương Hạ Băng	23/07/2020	Dương Trọng Hùng	187246896	1.000.000	187398394
62	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	106	Trần Ngọc Băng Tâm	13/03/2018	Trần Văn Hào	221231014	1.000.000	221382922
63	Lê Thị Thu	108	Nguyễn Phương Linh	06/04/2019	Nguyễn Thanh Hà	173311410	1.000.000	173396774
			Nguyễn Huyền Anh	20/02/2021			1.000.000	
64	Hồ Thị Nhung	109	Trịnh Hồ Đức Huy	06/01/2021	Trịnh Bình Thanh	241329899	1.000.000	371485132
65	Hoàng Thị Duyên	110	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	02/01/2019	Nguyễn Văn Vinh	186851711	1.000.000	187736630

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
66	Nguyễn Thị Giang	111	Đinh Huy Bảo	11/06/2020	Đinh Xuân Hường	194417048	1.000.000	197341519
67	Nguyễn Thị Hương	114	Nguyễn Bảo Châu	30/06/2017	Nguyễn Đình Nam	042090011323	1.000.000	173843701
68	Trần Thị Phương	116	Huỳnh Ngọc Bảo Tâm	20/07/2017	Huỳnh Ngọc Văn	191704311	1.000.000	197283255
69	Trần Thị Liên	117	Võ Trần Linh Đan	23/03/2021	Võ Quang Thọ	186984155	1.000.000	187312621
70	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	118	Hồ Nguyễn Thành Nhân	13/06/2017	Hồ Ngọc Trung	271934740	1.000.000	291055807
71	Đinh Thị Thanh Xuân	119	Mai Thị Thanh Trúc	19/08/2019	Mai Xuân Mỹ	241563791	1.000.000	241561382
72	Thái Thị Phương	121	Đàm Gia Huy	04/12/2020	Đàm Văn Công	186414007	1.000.000	187257072
73	Võ Như Quận	122	Võ Như Quyết	21/04/2019	Hà Thị Yên	264484678	1.000.000	264444365
74	Nguyễn Thị Linh	125	Nguyễn Phúc Thiên An	16/11/2020	Nguyễn Hồng Phong	272245952	1.000.000	38185003288
75	Phạm Thị Ngọc	130	Nguyễn Hải Phong	01/10/2016	Nguyễn Văn Thường	173754687	1.000.000	38195005051
			Nguyễn Hoàng Phúc	22/01/2021			1.000.000	
76	Phạm Thị Liên	131	Phạm Hải Đăng	02/10/2017	Phạm Minh Tuấn	194573699	1.000.000	187255400
77	Trần Thị Quỳnh Như	133	Lê Trần Bảo Hưng	30/09/2019	Lê Minh Chí Hải	272485290	1.000.000	197422679
78	Lý Thị Chung	136	Dương Thị Kiều Anh	01/12/2017	Dương Đình Ngọc	241168320	1.000.000	241818152
79	Trần Thị Hạnh	143	Nguyễn Tổng Gia Khang	16/09/2019	Nguyễn Tổng Hải	183703771	1.000.000	183894993

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
80	Lê Thị Quý	144	Nguyễn Lê Phương Mỹ	17/11/2019	Nguyễn Văn Kính	271345141	1.000.000	272468469
81	Nguyễn Thị Bích Lan	146	Nguyễn Hoàng Phát	16/09/2019	Nguyễn Hoàng Ân	351782518	1.000.000	271653795
82	Thái Thị Mỹ Dung	148	Huỳnh Thái Anh Thư	19/06/2017	Huỳnh Trung Đăng	365839112	1.000.000	366408255
83	Thiều Thị Mai Hành	150	Trần Hữu Hải Đăng	30/08/2017	Trần Hữu Khánh	183651662	1.000.000	183819178
84	Võ Thị Hồng Nhung	151	Lê Gia Hân	13/12/2015	Lê Văn Tuấn	215001416	1.000.000	215102125
85	Nguyễn Thị Trúc Linh	152	Nguyễn Hải Phương Anh	18/02/2018	Nguyễn Văn Hải	272055465	1.000.000	272078053
86	Vũ Thị Thu Bích	153	Lê Vũ Ngọc Phương	20/08/2015	Lê Sông Thành	271768623	1.000.000	271747870
87	Trần Thị Dung	154	Lê Bảo Khang	02/11/2019	Lê Quang Hậu	221338578	1.000.000	184151395
88	Mai Thị Diễm My	155	Trần Mai Như Ngọc	18/08/2018	Trần Văn Tiền	264327568	1.000.000	201659443
89	Lê Thị Diệu	156	Lê Anh Quân	16/10/2020	Lê Văn Tường	183603389	1.000.000	191762194
90	Nguyễn Thị Mai Khanh	157	Nguyễn Ngọc An Nhiên	20/06/2019	Nguyễn Thế Công	271932463	1.000.000	271703052
91	Nguyễn Thị Phụng	158	Nguyễn Ngọc Hân	23/12/2020	Nguyễn Văn Thái	038084006047	1.000.000	173754040
92	Lê Thị Huân	160	Kiều Lê Ánh Dương	27/02/2019	Kiều Công Danh	365742911	1.000.000	276055901
93	Đinh Thị Thương	161	Phạm Nhật Hạ	12/04/2018	Phạm Văn Trọng	186807615	1.000.000	231209409
94	Hoàng Thị Thu Thủy	162	Trịnh Hoàng Bảo Trâm	08/10/2017	Trịnh Long Vũ	038094016136	1.000.000	194620001



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân	
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
95	Nguyễn Thị Sen	163	Phan Quỳnh Hương	23/11/2020	Phan Văn Đức	194421252	1.000.000	194610010	
			Phan Quang Hiếu	15/10/2015			1.000.000		
96	Nguyễn Thị Trà	164	Nguyễn Văn Tiến	30/10/2020	Nguyễn Văn Toàn	186755933	1.000.000	40193006870	
			Nguyễn Thu Hiền	21/01/2016			1.000.000		
97	Phan Thị Loan	165	Bùi Quang Khải	17/11/2015	Bùi Quang Hoàng	183434034	1.000.000	183562917	
98	Nguyễn Thị Ngọc Mai	166	Nguyễn Hải Đăng	11/03/2021	Nguyễn Thanh Tú	272878299	1.000.000	241628214	
99	Nguyễn Kim Hoàng	167	Nguyễn Kim Nguyên	21/08/2019	Nguyễn Thị Ngọc Mai	272453107	1.000.000	79084014224	
			Nguyễn Kim Phát	17/03/2021			1.000.000		
III	Hỗ trợ người lao động đang mang thai				22.000.000				
STT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I					Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	
1	Trần Thị Kiều Quanh	17					1.000.000	276060462	
2	Đinh Thị In	18					1.000.000	50758989	
3	Huỳnh Thị Nhung	26					1.000.000	221318237	
4	Lương Thị Bảy	30					1.000.000	187330367	
5	Nguyễn Thị Lành	32					1.000.000	183670725	

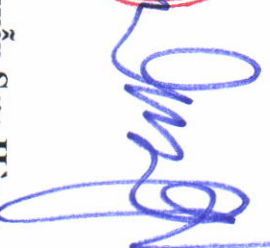
TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
6	Danh Thị Kiều Luyến	36					1.000.000	385307749
7	Hoàng Thị Mận	40					1.000.000	173764701
8	Trần Thị Thảo	48					1.000.000	183651738
9	Nguyễn Thị Thanh Nga	51					1.000.000	187075494
10	Phạm Thị Nga	56					1.000.000	184058723
11	Đỗ Thị Hòa	57					1.000.000	241221333
12	Lê Thị Thủy	58					1.000.000	162761149
13	Nguyễn Thị Khánh	81					1.000.000	183842996
14	Bùi Thị Thắm	84					1.000.000	241860357
15	Phan Thị Hồng	99					1.000.000	184093869
16	Huỳnh Thị Mộng Giao	105					1.000.000	92194002235
17	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	106					1.000.000	221382922
18	Nguyễn Thị Thu Thảo	107					1.000.000	241540518
19	Nguyễn Thị Hương	114					1.000.000	173843701
20	Trần Thị Dung	154					1.000.000	184151395

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
21	Nguyễn Thị Mai Khanh	157					1.000.000	271703052
22	Phan Thị Loan	165					1.000.000	183562917
TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)							318.000.000	



Tổng số tiền hỗ trợ: 318.000.000 đồng
(Ba trăm mười tám triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH EUNSUNG ELECTRONICS VINA - CN ĐỒNG NAI, HUYỆN NHƠN TRẠCH
(Đính kèm theo Quyết định số 3568 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I Hỗ trợ người lao động ngừng việc								
1	Nguyễn Minh Phúc	Công vụ	Xác định thời hạn	7515141305	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272475215
2	Trần Thị Ánh Tuyết	QC	Không xác định thời hạn	6423043014	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	231294473
3	Phạm Thị Bích Hạnh	QC	Xác định thời hạn	7512011318	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366383627
4	Phạm Thị Thúy Cẩm	QC	Xác định thời hạn	9321937603	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	364000907
5	Nguyễn Thị Phương	QC	Xác định thời hạn	7526692427	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	125867074
6	Huỳnh Thị Kim Hằng	QC	Xác định thời hạn	6623480645	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241886046
7	Nguyễn Văn Nhựt	Nghiên	Xác định thời hạn	9622875206	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	380896187

8	Lê Thị Gấm	Pipe	Không xác định thời hạn	8922670648	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351959243
9	Nguyễn Thị Quý	Pipe	Không xác định thời hạn	7515142679	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272703686
10	Lê Vĩnh Quang	Pipe	Không xác định thời hạn	6623165957	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241548728
11	Nguyễn Tấn Thành	Pipe	Không xác định thời hạn	7510061420	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272185899
12	Nguyễn Thị Hận	Pipe	Không xác định thời hạn	7526702394	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272138202
13	Hồ Dương Cảnh	Pipe	Xác định thời hạn	8724035839	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341504375
14	Nguyễn Văn Hận	Pipe	Xác định thời hạn	8723285267	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341977632
15	Trần Thạch Thảo	Injection	Không xác định thời hạn	7516153949	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	241737388
16	Lê Thị Thu Hương	Injection	Xác định thời hạn	8321639938	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	321747067
17	Hà Danh Sản	Injection	Xác định thời hạn	7516115087	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187531592
18	Trần Thị Thu Hương	Injection	Xác định thời hạn	7510011041	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221297869
19	Nguyễn Thị Phụng	Injection	Xác định thời hạn	5420344538	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221250257
20	Nguyễn Văn Tường	Injection	Không xác định thời hạn	7412011400	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	171677774



21	Nguyễn Đức Huy	Injection	Xác định thời hạn	7936398789	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	025793406
22	Nguyễn Thị Hồng Loan	Injection	Xác định thời hạn	7513065698	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272384589
23	Nông Thị Bích Duyên	Injection	Xác định thời hạn	8709001576	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341275707
24	Huỳnh Ngọc Hằng	Injection	Xác định thời hạn	7516154367	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351621930
25	Lê Thị Ngọc Hợp	Injection	Xác định thời hạn	9421803975	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366217095
26	Ksor Sang	Injection	Xác định thời hạn	6422057942	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	231100838
27	Dương Thị Cẩm	Injection	Xác định thời hạn	7416342420	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	365589132
28	Lâm Kim Thương	Cordreel	Không xác định thời hạn	9123291649	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371115887
29	Phạm Thị Duyên	Cordreel	Không xác định thời hạn	7508237622	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271269301
30	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Cordreel	Không xác định thời hạn	7513203149	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271368929
31	Huỳnh Thanh Hải	Cordreel	Xác định thời hạn	8924254958	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352190704
32	Huỳnh Thị Mỹ Loan	Cordreel	Xác định thời hạn	8925696164	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351510203
33	Lý Thị Như Ý	Cordreel	Xác định thời hạn	8724102995	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341959412

34	Tô Văn Đạt	Cordreel	Xác định thời hạn	7509130279	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271197291
35	Mã Bích Liễu	Cordreel	Xác định thời hạn	8925245324	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352681714
36	Nguyễn Văn Ngà	Cordreel	Xác định thời hạn	8925275152	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352673783
37	Thân Thị Kim Nga	Cordreel	Xác định thời hạn	7510164987	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271768298
38	Trịnh Hồng Muội	Cordreel	Xác định thời hạn	9622542724	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381876896
39	Nguyễn Thị Thủy	Harness	Không xác định thời hạn	3412001157	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	162994925
40	Nguyễn Thị Thanh	Harness	Không xác định thời hạn	7526479665	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271253924
41	Thái Thị Hòa	Harness	Không xác định thời hạn	7516164968	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271203657
42	Huỳnh Thị Diệu	Harness	Không xác định thời hạn	4701018054	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271472724
43	Lê Thị Bông	Harness	Không xác định thời hạn	7514070102	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352178685
44	Lê Thị Trang	Harness	Xác định thời hạn	7510197897	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183534922
45	Phan Lương Minh Tiến	Kho	Xác định thời hạn	5420007008	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221405535
46	Võ Hoài Thương	Giao hàng	Xác định thời hạn	9122699044	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371820233

47	Nguyễn Văn Nu	Giao hàng	Xác định thời hạn	8724103125	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341988036
48	Nguyễn Văn Thuận	Giao hàng	Xác định thời hạn	7932808888	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	342104926
49	Trương Thị Kim Oanh	Nấu ăn	Không xác định thời hạn	7510017852	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271704749
50	Nguyễn Công Vinh	Tài xế	Xác định thời hạn	7508054197	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271658285
II Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi				7.000.000				
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Phạm Thị Bích Hạnh	3	Trần Thị Nhã Tâm	01/06/2016	Trần Văn Bé	365832235	1.000.000	365832235
2	Nguyễn Thị Quý	9	Trần Đăng Khoa	02/03/2020	Trần Văn Tuấn	272703687	1.000.000	272703686
3	Lê Thị Gấm	8	Nguyễn Thanh Duy	08/11/2018	Nguyễn Thanh Tuấn	352031068	1.000.000	351959243
4	Trịnh Hồng Mười	38	Bùi Thiên Hào	21/02/2018	Bùi Chí Linh	381795408	1.000.000	381876896
5	Lê Thị Bông	43	Phạm Thị Huỳnh Diệp	04/06/2019	Phạm Văn Cường	352573570	1.000.000	352178685
6	Nông Thị Bích Duyên	44	Trần Thị Minh Thư	29/06/2016	Trần Văn Quý	341292967	1.000.000	341275707

7	Trần Thị Thu Hương	18	Lê Trần Nhật Hải	10/01/2016	Lê Ngọc Tiên	221286395	1.000.000	221297869
TỔNG CỘNG (I) + (II)							57.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 57.000.000 đồng
(Năm mươi bảy triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP QH PLUS, HUYỆN NHƠN TRẠCH

(Đính kèm theo Quyết định số 3578 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						29.000.000	
1	Phạm Văn Hùng	Nhân sự hành chính	Không xác định thời hạn	7516139201	07/08/2021	15/09/2021	1.000.000	270002260
2	Hồ Thị Mai	Nhân sự hành chính	Xác định thời hạn	4220682681	28/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183225031
3	Lâm Thị Cẩm	Nhân sự hành chính	Xác định thời hạn	7514203345	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272652414
4	Nguyễn Hoàng Oanh	Phòng QAC	Không xác định thời hạn	7512067102	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271643260
5	Lê Thị Huyền	Phòng QAC	Không xác định thời hạn	7913275472	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	194338994
6	Đoàn Thị Nam	Phòng QAC	Xác định thời hạn	3824281327	06/08/2021	15/09/2021	1.000.000	038193000491

7	Bùi Phúc Thịnh	Phòng R&D	Không xác định thời hạn	7514187967	04/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271950125
8	Nguyễn Minh Cảnh	Phòng R&D	Không xác định thời hạn	0207184997	06/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271421456
9	Hoàng Văn Duy	Phòng Bảo trì	Xác định thời hạn	6423314199	06/08/2021	15/09/2021	1.000.000	230736446
10	Trần Ngọc Diên	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Không xác định thời hạn	7509104768	06/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271648868
11	Nguyễn Đình Lý	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Không xác định thời hạn	7515141324	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184201419
12	Vũ Xuân Phong	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	3620926417	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	162741102
13	Phạm Văn Tùng	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	7516163137	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272652180
14	Nguyễn Văn Cường	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	7526881665	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	270887695
15	Nguyễn Thị Lân	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	4704045531	04/08/2021	15/09/2021	1.000.000	121651821
16	Phạm Bé Giới	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	7516038166	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381615326
17	Danh Sương	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	9124210585	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	372021359
18	Phan Văn Ngợi	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Không xác định thời hạn	7516164310	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381306827



19	Nguyễn Tuấn Viên	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	5420753660	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	221421972
20	Trần Văn Ngọc	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	7510009637	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341673114
21	Phạm Minh Châu	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	4707141270	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271862185
22	Lê Ngọc Chánh	Xưởng Phụ kiện xây dựng	Xác định thời hạn	6422558477	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	230900912
23	Huỳnh Chiêu Chấn Gia	Xưởng xi mạ	Xác định thời hạn	9321960353	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385772835
24	Lưu Văn Thái	Xưởng gia công đá	Không xác định thời hạn	7508173777	07/08/2021	15/09/2021	1.000.000	240646429
25	Nguyễn Văn Lâm	Xưởng gia công đá	Không xác định thời hạn	4799154749	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271253742
26	Huỳnh Thanh Tú	Xưởng gia công đá	Xác định thời hạn	7931992586	02/08/2021	15/09/2021	1.000.000	079201015670
27	Trần Nam Long	Xưởng gia công đá	Xác định thời hạn	7512155016	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341474489
28	Đặng Ngọc Toàn	Xưởng gia công đá	Xác định thời hạn	5221959845	06/08/2021	15/09/2021	1.000.000	215060384
29	Lê Phát Tài	Xưởng gia công đá	Xác định thời hạn	9124031695	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371458123
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi						14.000.000	

TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Lâm Thị Cẩm	3	Đoài Cẩm Tiên	17/06/2019	Đoài Văn Vũ	381661721	1.000.000	272652414
2	Lê Thị Huyền	5	Hồ Lê Gia Phát	29/05/2019	Hồ Thanh Hạnh	211893658	1.000.000	194338994
3	Đoàn Thị Nam	6	Trịnh Thiên Bảo	11/11/2017	Trịnh Ngọc Tường	38087003459	1.000.000	38193000491
			Trịnh Tấn Phát	12/10/2020			1.000.000	
4	Bùi Phúc Thịnh	7	Bùi Minh Hy	10/03/2021	Nguyễn Thị Thu Thủy	212247300	1.000.000	271950125
5	Nguyễn Minh Cảnh	8	Nguyễn Minh Thúc	15/10/2017	Thân Thị Như Quỳnh	271856451	1.000.000	271421456
6	Hoàng Văn Duy	9	Chưa làm được giấy khai sinh	06/07/2021	Võ Thị Mỹ Huyền	86189001257	1.000.000	230736446
7	Nguyễn Đình Lý	11	Nguyễn Ngọc Hân	21/09/2020	Hồ Thị Ngọc Mỹ	221398194	1.000.000	184201419
8	Vũ Xuân Phong	12	Vũ An Nhiên	02/08/2016	Tạ hị Phương	163110537	1.000.000	162741102
9	Phạm Bé Giới	16	Nguyễn Ngọc Anh Thư	25/05/2019	Nguyễn Minh Lân	381320941	1.000.000	381615326



10	Trần Văn Ngọc	20	Trần Thị Khánh Vy	19/08/2016	Trình Thị Thảo Nguyên	342133596	1.000.000	341673114
11	Phạm Minh Châu	21	Phạm Bảo Anh	25/12/2015	Trương Hoàng Mỹ Linh	271976048	1.000.000	271862185
			Phạm Diệp Anh	28/07/2019			1.000.000	
12	Đặng Ngọc Toàn	28	Đặng Ngọc Minh Khôi	26/09/2017	Trần Thị Thịnh	215203836	1.000.000	215060384
TỔNG CỘNG (I) + (II)								43.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 43.000.000 đồng
(Bốn mươi ba triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH VINA BUHMMWO, HUYỆN NHƠN TRẠCH**
(Đính kèm theo Quyết định số 3578 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I Hỗ trợ người lao động ngừng việc								
1	Nguyễn Đình Hoàn	BP sản xuất	Không xác định thời hạn	7508224754	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272138870
2	Nguyễn Mạnh Tường	Bộ phận sản xuất	Không xác định thời hạn	7508224755	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271166261
3	Thân Văn Hùng	Bộ phận sản xuất	Không xác định thời hạn	7508213729	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271307120
4	Nguyễn Long Hồ	Bộ phận sản xuất	Không xác định thời hạn	7508237840	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271487863
5	Đặng Quốc Thành	Bộ phận sản xuất	Xác định thời hạn	7512154903	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272138205

6	Nguyễn Cao Sơn	Bộ phận sản xuất	Xác định thời hạn	7525957599	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271964160
7	Đình Văn Tuấn Thanh	Bộ phận sản xuất	Xác định thời hạn	7512161742	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371232475
8	Nguyễn Hoàng Trung	BP Giao hàng	Xác định thời hạn	7929763759	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271421879
9	Trương Châu Huỳnh Như	NV phòng thí nghiệm	Không xác định thời hạn	7510102866	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271714313
10	Trần Khánh Duy	Tài xế	Không xác định thời hạn	7508224749	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	023140277
11	Lý Châu Thanh	Nv lấy dầu mẫu	Không xác định thời hạn	7516138214	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	025126834
12	Huỳnh Văn Tuấn	Tài xế	Không xác định thời hạn	7513196485	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	023947624
13	Đỗ Đức Thiệp	Làm vườn	Không xác định thời hạn	7511209066	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271166203
14	Chu Thị Vân	Tập vụ	Xác định thời hạn	4707016044	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	270607743
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi						5.000.000	
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân



1	Đinh Văn Tuấn Thanh	7	Đinh Bảo Ngọc	13/05/2018	Trần Thị Hải	187043288	1.000.000	371232475
2	Trương Châu Huỳnh Như	9	Hà Bảo Quyên	25/11/2015	Hà Tiến Duy	121864837	1.000.000	271714313
		9	Hà Ngọc Minh	18/12/2018			1.000.000	
3	Thân Văn Hùng	3	Thân Hoàng khánh Phương	06/03/2019	Trần Thị Tố Mai	271861770	1.000.000	271307120
4	Nguyễn Cao Sơn	6	Nguyễn Phạm Viết Quân	16/12/2017	Nguyễn Thị Tĩnh Hòa	272221416	1.000.000	271964160
TỔNG CỘNG (I) + (II)								19.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 19.000.000 đồng
(Mười chín triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng